

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

(Vận dụng Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Tên gói thầu: Đầu tư mua 01 tàu lai dắt Azimuth đã qua sử dụng

Dự án: Đầu tư mua sắm 01 tàu lai Azimuth đã qua sử dụng công suất từ 4.000HP trở lên;

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng

Năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT
(trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Đầu tư mua 01 tàu lai dắt Azimuth đã qua sử dụng;

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

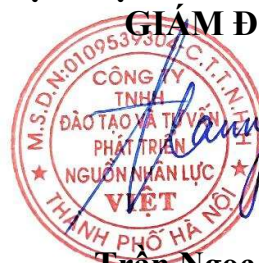
Đầu tư mua sắm 01 tàu lai dắt Azimuth đã qua sử dụng công suất từ 4.000HP trở lên;

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Thảo

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT	1
MÔ TẢ TÓM TẮT	2
Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU	4
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	4
Chương II. BẢNG DỮ LIỆU	28
Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT	33
Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU	42
Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT.....	62
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT	62
Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG.....	71
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG: Không có.....	71
Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG.....	71
Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....	80

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu điện tử
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
BDL	Bảng dữ liệu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
VND	Đồng tiền Việt Nam
USD	Đô la Mỹ

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của HSDT).
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm)
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật)
- Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính)
- Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có))

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT và HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có).

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án được quy định tại BDL
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn

	chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu; c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu; d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu; đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định HSMST, HSMT; đánh giá HSDST, HSDT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng; e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó; g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu; h) Nêu điều kiện trong HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của
--	--

	nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu; 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm: a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận

	đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDL; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Có tên trên Hệ thống trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 CDNT. 5.3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là Nghị định số 24/2024/NĐ-CP) được tham dự thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d, đ và e Mục 5.1 CDNT.
6. Nội dung của HSMT	6.1. HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3A, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật: - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.

	Phần 3A. Điều kiện hợp đồng: - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

	7.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.6. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt hoặc Tiếng Anh. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết). Nếu nhà thầu không gửi bản dịch bổ sung sẽ bị đánh giá là thiếu văn bản, tài liệu theo yêu cầu của HSMT
10. Thành phần của HSDT	HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.
11. Đơn dự	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà

thầu và các bảng biểu	thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	12.1. Trường hợp HSMT có quy định tại BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá). Mẫu số 11.1, Mẫu số 11.2 Chương IV vào đơn dự thầu. c) Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu; d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1A hoặc 12.2A, Mẫu số 13A Chương IV. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu không bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có). 13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại BDL.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán quy định tại BDL .
15. Tài liệu	15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên

**chứng minh
sự phù hợp
của hàng
hóa, dịch vụ
liên quan**

quan so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của HSDT.

15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại..

15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.

15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm¹, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ....

15.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.

15.6. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa thực hiện theo Mẫu số 01A, 01B, 01C Chương IV. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đấu thầu thì nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào hàng hóa không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

15.7. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của

¹ Bảo hiểm cho các hạng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...

	HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. 15.8. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại BDL. 15.9. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. 16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo BDL.
17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT	17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức sau đây: a) Đặt cọc bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản theo số tài khoản của Chủ đầu tư cụ thể tại BDL. b) Nộp thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành

	lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại BDL, Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó). 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo
--	---

	lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). 18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. 18.5 Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây: - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT; - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu. 19.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách

	nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. 19.3. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.
20. Mở thầu	20.1. Trừ trường hợp HSDT nộp muộn hơn thời điểm đóng thầu hoặc nhà thầu rút HSDT, Bên mời thầu phải tiến hành mở HSDT của các nhà thầu tham dự thầu một cách công khai theo thời gian và địa điểm được nêu trong văn bản thông báo mời thầu trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu HSDT và đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có). Việc mở HSDT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu. Thời gian, địa điểm mở HSDT theo thông báo mời thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; 20.2. Trước tiên, đối với trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDT thì Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDT”, túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDT” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc văn bản này không được công khai trong lễ mở thầu. 20.3. Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDT” HSDT sẽ được thay bằng HSDT thay thế tương ứng; túi đựng HSDT ban đầu sẽ được giữ nguyên niêm phong và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc văn bản này không được công khai trong lễ mở thầu. Trong trường hợp này, HSDT bị thay thế vẫn được mở theo quy định tại mục 20.5. 20.4. Tiếp theo, đối với túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI

	HSDT” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDT không kèm tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc văn bản này không được công khai trong lễ mở thầu. 20.5. Việc mở thầu thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có), HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu các thông tin sau: Tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian hiệu lực của HSDT, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ có các HSDT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), giảm giá, thư giảm giá (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn hơn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19 CNDT. 20.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 20.5(b) CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được công khai trên hệ thống mạng. Biên bản mở thầu, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu;
--	---

	- Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
21. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT	21.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 1 bản gốc HSDT, theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT”, “BẢN CHỤP HSDT” Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDT THAY THẾ”; Trường hợp có phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”. 21.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại. 21.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp

	pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT. 21.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh. 21.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.
22. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT	22.1. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU". Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”. Trường hợp nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính, bên ngoài phải ghi rõ “ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”. Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu. 22.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải: a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu; b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ. c) Ghi tên gói thầu theo quy định; 22.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm

	phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.
23. Đánh giá E-HSDT	23.1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá các HSDT. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác. 23.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT: a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; b) Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. 23.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. 23.4 Đánh giá về kỹ thuật: a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được tiếp tục xem xét, đánh giá tài chính theo quy định tại Mục 4 và Mục 5 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. 23.5. Sau khi đánh giá tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.
24. Bảo mật	24.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị

	trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT (nếu cần thiết), nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
25. Làm rõ HSDT	25.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 25.2. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT. Việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua văn bản. 25.3. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu. 25.4. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 25.1 CDNT. 25.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 25.6. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp

	nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.
26. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	26.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; 26.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; 26.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.
27. Xác định tính đáp ứng của HSDT	27.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT. 27.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSMT. 27.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong HSMT đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 27.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT đáp ứng cơ bản HSMT.
28. Sai sót không nghiêm trọng	28.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 28.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để

	sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu. 28.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.
29. Nhà thầu phụ	Yêu cầu về nhà thầu phụ quy định tại BDL .
30. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	30.1. Nguyên tắc ưu đãi: a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính. b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng. c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu. d) Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên. 30.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh, xếp hạng HSDT: Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên trong giá hàng hóa. Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam có thể áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau: Công thức trực tiếp: $D (\%) = G^*/G \times 100\%$ Công thức gián tiếp: $D (\%) = (G - C)/G \times 100\%$ Trong đó: G*: Là chi phí sản xuất trong nước

	G: Là giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì G là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa C: Là giá trị của các chi phí nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. $D \geq 30\%$ thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 và 10 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. 30.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại BDL. 30.4. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A, 15B và 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 30.5. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.
31. Đánh giá HSDT	31.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDT. 31.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDT BDL; 31.3. Quy trình đánh giá a) Bước 1: Kiểm tra và Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III: Không áp dụng

	c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại BDL; đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. e) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;
32. Đối chiếu tài liệu	Không áp dụng
33. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 33.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; 33.2. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III; 33.3. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL; 33.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
34. Hủy thầu	34.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSMT; c) HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 34.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu

	dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 35.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 34.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 35.1 CDNT.
35. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	35.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Chủ đầu tư phải đăng tải các thông tin sau: - Tên hàng hóa; - Công suất; - Tính năng, thông số kỹ thuật; ký, mã hiệu, nhãn mác; - Xuất xứ; - Đơn giá trúng thầu.

	d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 35.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. 35.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 35.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
36. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ	Không áp dụng
37. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Phần 4 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT.
38. Điều kiện ký kết hợp đồng	38.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 38.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu. 38.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
39. Bảo đảm thực hiện	39.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo

hợp đồng	đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 5 ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 39.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
40. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	40.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu. 40.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.
41. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại BDL.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU

CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Đầu tư mua 01 tàu lai dắt Azimuth đã qua sử dụng Tên dự án: Đầu tư mua sắm 01 tàu lai Azimuth đã qua sử dụng công suất từ 4.000HP trở lên;
CDNT 3	Nguồn vốn: 55% vốn CSH công ty và 45% vốn vay NHTM
CDNT 5.1	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng - Địa chỉ: 1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, trừ trường hợp: (i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT: Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn phát triển nguồn nhân lực Việt Số 39, Ngõ 19 Đông Tác, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. + Tư vấn thẩm định HSMT, thẩm định KQLCNT: Công ty cổ phần công nghệ tích hợp Nguyên Khang Số 89 Thanh Đàm, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹. - Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó. - Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
CDNT 7	Bên mời thầu phải nhận được yêu cầu làm rõ HSMT không muộn hơn 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được Bên mời thầu đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 10 ngày. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.
CDNT 8	Chi phí nộp HSMT: Miễn phí
CDNT 10	HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng: Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt. “Nhà thầu có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDT”.

	Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Anh hoặc Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung”.
CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: a) Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu: b) Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa: - Tất cả các thiết bị chính được quy định trong phạm vi cung cấp nêu tại Chương V phải có tài liệu kỹ thuật để chứng minh tính đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật, chứng tỏ hàng hóa chào thầu đáp ứng các yêu cầu. Trường hợp các tài liệu mô tả kỹ thuật được viết bằng ngôn ngữ khác tiếng Anh hoặc Tiếng Việt nhà thầu nộp kèm theo bản dịch sang tiếng Anh hoặc Tiếng Việt. c) Các tài liệu khác theo yêu cầu của HSMT
CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
CDNT 13.5	Chào giá: Theo Mẫu số 12.2 Chương IV.
CDNT 14	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là - Đồng tiền dự thầu là: VND hoặc USD - Đồng tiền thanh toán cho các hạng mục công việc phải tương ứng với đồng tiền dự thầu cho hạng mục công việc đó. Các chi phí trong nước chỉ được thanh toán bằng VND. - Đồng tiền được sử dụng để quy đổi tất cả các giá dự thầu từ nhiều loại tiền khác nhau thành một loại tiền duy nhất là VND, nhằm phục vụ việc đánh giá và xếp hạng HSDT. - Tỷ giá quy đổi là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố trên website www.vietcombank.com.vn vào ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 15.8	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): Không áp dụng
CDNT 16.2	Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng

	của nhà thầu: Không yêu cầu.
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 180 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 64.000 USD Hoặc giá trị quy đổi sang VND. Áp dụng Tỷ giá quy đổi là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố trên website www.vietcombank.com.vn vào ngày đăng tải E-TBMT. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 210 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu. - Tiền mặt hoặc chuyển khoản vào số tài khoản với thông tin sau: - Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng - Số tài khoản: 1541100120008 (VND) - Số tài khoản: 1541100121004 (USD) - Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN An Phú - Địa chỉ: 173 Trần Nãi, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. - SWIFT Code: MSCBVNVX - Nội dung: Bảo lãnh dự thầu số E-TBMT:.....
CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 20 ngày , kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 19.1	Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT): Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng - Nơi nhận: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng - Phòng C200, Cảng Tân Cảng Cát Lái - Tên đường, phố: 1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. - Số điện thoại: 028.3742.5351 - Quốc gia: Việt Nam Thời điểm đóng thầu là: __ giờ __ phút, ngày __ tháng năm 2024

CDNT 21.1	Số lượng HSDT: 01 bản chính + 02 copy + 01 bản USB.
CDNT 23.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: Phương pháp đánh giá về năng lực kinh nghiệm: Không áp dụng Phương pháp đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt Phương pháp đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất
CDNT 23.5	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
CDNT 29	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu
CDNT 33.3	Cách thức thực hiện: Việc so sánh, xếp hạng HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu không bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)
CDNT 40.2	- Người có thẩm quyền: Giám đốc - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng - Địa chỉ: 1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; - Email: dichvuhanghai@saigonnewport.com.vn - thanhvtk@saigonnewport.com.vn - Số điện thoại: 028.3742.5351 - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Thành lập khi có nhu cầu.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT:

a) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu bao gồm: đơn dự thầu; thỏa thuận liên danh (nếu có); giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu;

b) Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bản gốc hồ sơ dự thầu

2. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh

3. Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu;

4. Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không vi phạm một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành;

5. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

6. Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;

7. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 của Luật Đấu thầu;

8. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm : Không áp dụng

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt1:

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

STT	Tiêu Chí Đánh Giá	Nội Dung Đánh Giá	Mức độ đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT	
			Đạt	Không đạt
I	TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT			
1	Loại tàu	Tàu lai dặt tại cảng (Azimuth Stern Drive - Harbour Tugs).	- Tàu được thiết kế chuyên phục vụ lai dặt tàu biển. Độ ổn định cao, tầm quan sát trước mũi và sau lái tốt, tính năng quay trở cơ động. - Tàu có các hệ thống phục vụ cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy: bơm FiFi cứu hộ cứu nạn chữa cháy. - Chi tiết tại I Mục 2.2 Chương V, HSMT.	- Không được thiết kế chuyên cho việc lai dặt tàu biển. Tầm quan sát bị hạn chế. - Không được trang bị hệ thống bơm FiFi. - Không đáp ứng một trong các tiêu chí tại I Mục 2.2 Chương V, HSMT.
2	Năm sản xuất/ Tuổi tàu	Tuổi tàu	≤14 tuổi	> 14 tuổi
3	Tình trạng hoạt động và tính pháp lý: Hồ sơ tàu, Đăng kiểm	Tình trạng	+ Tàu đang hoạt động bình thường. + Đầy đủ Giấy Chứng nhận hợp pháp của Quốc gia tàu treo cờ.	+ Tàu ngừng hoạt động. + Không đầy đủ Giấy Chứng nhận hợp pháp của Quốc gia tàu treo cờ.

			+ Hồ sơ tàu đầy đủ pháp lý của Quốc gia treo cờ. + Giấy chứng nhận Đăng kiểm còn hiệu lực. + Tổng dung tích Gross Tonnage (GT): <500GT	+ Hồ sơ tàu không đầy đủ pháp lý + Giấy chứng nhận Đăng kiểm hết hiệu lực. + Tổng dung tích Gross Tonnage (GT): $\geq 500GT$
4	Cấp tàu đăng ký	Theo phân cấp của Đăng kiểm	Từ cấp tàu SB trở lên hoặc tương đương	Dưới cấp tàu SB.
5	Thông số cơ bản của tàu	Chiều dài	$24m \leq \text{Chiều dài} \leq 40m$	Chiều dài $> 40m$ Hoặc Chiều dài $< 24m$
		Chiều rộng	$8,0m \leq \text{Chiều rộng} \leq 13,0 m$	Chiều rộng $> 13,0m$ hoặc Chiều rộng $< 8,0$
		Chiều chìm	Chiều chìm giữa tàu $\leq 5,0 m$	Chiều chìm giữa tàu $> 5,0 m$
		Chiều cao mạn	Chiều cao mạn đo tại giữa tàu $\leq 6,0 m$	Chiều cao mạn đo tại giữa tàu $> 6,0 m$
		Lượng chiếm nước đầy tải	Từ 200 tấn đến < 500 tấn	> 500 Tấn

6	Hệ thống điều khiển tàu		Điều khiển hướng tàu và vận tốc tàu trực tiếp tại buồng điều khiển lái.	Điều khiển hướng tàu và vận tốc tàu không trực tiếp tại buồng điều khiển lái.
7	Thiết bị động lực/ Máy chính	Yêu cầu kỹ thuật và thông số máy chính. Số lượng và công suất máy chính	- Tàu được trang bị 2 máy chính hoạt động độc lập. - Hệ thống báo động và hệ thống bảo vệ hoạt động bình thường. - Truyền động quay từ máy chính tới chong chóng thông qua bộ ly hợp. - Đáp ứng đầy đủ tại IV Mục 2.2, Chương V, HSMT.	- Tàu được trang bị 2 máy chính hoạt động không độc lập. - Máy chính không thuộc các hãng: Niigata, Yanmar, Cummins. - Công suất mỗi máy nhỏ hơn 2.000 HP. - Hệ thống báo động và hệ thống bảo vệ không hoạt động. - Truyền động quay từ máy chính tới chong chóng không thông qua bộ ly hợp. - Không đáp ứng một trong các tiêu chí tại IV Mục 2.2, Chương V, HSMT.
8	Hệ trục truyền động và hệ chân vịt.	Yêu cầu kỹ thuật và thông số hệ trục chân vịt.	Đáp ứng đầy đủ tại V Mục 2.2, Chương V, HSMT.	Không đáp ứng một trong các tiêu chí tại V Mục 2.2, Chương V, HSMT.

9	Tổ hợp máy phát điện	Tổ hợp máy phát điện chính	- Tàu được trang bị ít nhất 2 máy phát điện: + Công suất máy phát : < 100 kVA - Đáp ứng đầy đủ tại VI Mục 2.2 Chương V, HSMT.	- Tàu được trang bị ít hơn 2 máy phát điện: + Công suất máy phát : < 100 kVA - Không đáp ứng một trong các tiêu chí tại VI Mục 2.2 Chương V, HSMT.
10	Hệ thống và các trang thiết bị phụ ở trên tàu	Trang bị đầy đủ. Hoạt động tốt	Đáp ứng đầy đủ tại VII mục 2.2 Chương V, HSMT.	Không đáp ứng một trong các tiêu chí tại VII mục 2.2 Chương V, HSMT.
11	Kết cấu thân tàu và thiết bị trên boong.	Thân vỏ tàu và các trang thiết bị bố trí trên boong tàu	- Trang thái kỹ thuật thực tế của vỏ tàu, và các thiết bị trên boong phải phù hợp với ghi nhận của các giấy tờ đăng kiểm. - Thiết bị neo hoạt động bình thường. - Tời dây phía mũi tàu: Hoạt động bình thường.	- Trang thái kỹ thuật thực tế của vỏ tàu, và các thiết bị trên boong không phù hợp với ghi nhận của các giấy tờ đăng kiểm. - Thiết bị neo không hoạt động. - Tàu không trang bị tời mũi, hoặc có trang bị nhưng không hoạt động.
12	Hệ thống tời dây (sức kéo)		Đáp ứng đầy đủ tại VIII mục 2.2 Chương V, HSMT.	Không đáp ứng một trong các tiêu chí tại VIII mục 2.2 Chương V, HSMT.
13	Tốc độ (100% tải)	Tốc độ thiết kế.	Tốc độ thiết kế khi 100% tải ≥ 10 hải lý /giờ	<10 hải lý / giờ

14	Thiết bị hàng hải và vô tuyến điện	Trang bị đầy đủ theo danh mục quy định của cấp tàu đang duy trì.	- Trang bị đầy đủ theo danh mục quy định của cấp tàu đang duy trì. - Hoạt động bình thường và còn thời hạn kiểm định theo cấp đăng kiểm của tàu đang duy trì. - Đáp ứng đầy đủ tại IX mục 2.2 Chương V, HSMT.	- Tàu trang bị thiếu một trong các thiết bị theo danh mục trang thiết bị hàng hải và vô tuyến điện. - Hỏng hoặc không hoạt động. - Không đáp ứng một trong các tiêu chí tại IX mục 2.2 Chương V, HSMT.
15	Hệ thống/trang thiết bị cứu sinh và trang thiết bị cứu hỏa	Trang bị đầy đủ theo cấp tàu	- Tàu được trang bị đầy đủ các trang thiết bị chữa cháy tại chỗ. Các trang thiết bị hoạt động bình thường. Còn thời hạn kiểm định tuân theo cấp đăng kiểm của tàu được duy trì - Đáp ứng đầy đủ tại X và XI mục 2.2 Chương V, HSMT.	- Trang bị thiếu hoặc có trang bị nhưng không hoạt động được. - Không đáp ứng một trong các tiêu chí tại X và XI mục 2.2 Chương V, HSMT.
16	Bố trí chung buồng máy		- Trang thiết bị trên tàu được bố trí theo bản vẽ bố trí chung. - Đáp ứng đầy đủ tại XII mục 2.2 Chương V, HSMT.	- Trang thiết bị trên tàu không được bố trí theo bản vẽ bố trí chung. - Không đáp ứng một trong các tiêu chí tại XII mục 2.2 Chương V, HSMT.
II	Bảo hành	Bảo hành	Bản cam kết đáp ứng theo Mục 3.1. Yêu cầu về bảo hành Chương V, HSMT.	Không có Bản cam kết hoặc Có Bản cam kết nhưng Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo Mục 3.1. Yêu cầu về bảo hành Chương V, HSMT.

III	Địa điểm kiểm tra tàu, và bản giao tàu	Địa điểm	Tại các cảng của các nước khu vực Châu Á	Tại các cảng của các nước bên ngoài khu vực Châu Á
IV	Kiểm tra thực tế tình trạng tàu	Tình trạng thực tế	Đáp ứng theo HSDT	Không đáp ứng theo HSDT
	Kết luận		Tất cả các tiêu chí trên đều đạt Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chung; Có các tài liệu tham chiếu về mặt kỹ thuật đáp ứng đầy đủ yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của hàng hóa nêu tại Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật thuộc HSMT.	Có 01 trong các tiêu chí trên không đạt. Có ít nhất 1 nội dung không đáp ứng so với Bảng yêu cầu kỹ thuật nêu tại chương V – Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT: Không được phép

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Trách nhiệm thực hiện	
		Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)	X	
2	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)		X
3	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với trường hợp nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)		X
4	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh		X
5	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)		X
6	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)		X
7	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp		X
8	Mẫu số 11.2. Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.2 Chương này)		X
9	Mẫu số 12.1A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)		X
10	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi		X
11	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)		X
12	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)		X

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

(áp dụng cho loại hợp đồng trọn gói)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng	
							Ngày giao hàng sớm nhất kể từ ngày ký hợp đồng	Ngày giao hàng muộn nhất kể từ ngày ký hợp đồng
1	Tàu lai dất Azimuth đã qua sử dụng	Cái	1	Mô tả tại Chương V của HSMT		Tại các cảng của các nước khu vực Châu Á	Từ ngày thứ nhất	Đến ngày thứ 30

ĐƠN DỰ THẦU

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____

Mã số thuế: ____

Cam kết thực hiện gói thầu ____ Số E-TBMT: _____ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ (Không bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: ____

Bảo đảm dự thầu: ____

[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: ____

[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu

trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;

8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39 CDNT của HSMT;

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu;

ĐƠN DỰ THẦU

(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____

Cam kết thực hiện gói thầu ____

Số TBMT: _____ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ (Không bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: ____

Bảo đảm dự thầu: ____

[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: ____

[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu;

7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;

8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39 CDNT của HSMT;

10. Có đủ năng lực sản xuất hàng hóa để thực hiện gói thầu;

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ____

Gói thầu: ____

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____

Căn cứ ____

Căn cứ ____

Căn cứ HSMT Gói thầu: ____ với số E-TBMT: ____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____

Mã số thuế: ____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____

Mã số thuế: ____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____

Mã số thuế: ____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____

Thuộc dự án: ____.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____

[Ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ *[ghi rõ hình thức xử lý khác].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho _____

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____

[ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây :

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký]

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1(c) BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận

khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) *Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.*

(2) *Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **BDL**.*

(3) *Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).*

(4) *Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.*

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]*⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả

kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh $A + B + C$ tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh $A + B + C$)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **BDL**.

(4) Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢNG TIỀN ĐỘ CUNG CẤP

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
					Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
...							

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.2 Chương này)

I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	
3	Dịch vụ liên quan	
	Tổng cộng giá dự thầu	<i>(1) + (2) + (3)</i> <i>[Hệ thống tự tính]</i>

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)x(11)
	Hàng hóa thứ 1										M1
											
	Hàng hóa thứ n										Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)											(M)

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HUỖNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ <i>[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]</i>	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên		Hàng hóa của cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực	Hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây	Kê khai chi phí trong nước	
			Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%	Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước trên 50%			Theo Mẫu 15B	Theo Mẫu 15C
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hóa thứ 1							
2	Hàng hóa thứ 2							
...	...							
n	Hàng hóa thứ n							

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HUỖNG ƯU ĐÃI
(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hóa thứ 1					
2	Hàng hóa thứ 2					
...	...					
n	Hàng hóa thứ n					

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HUỖNG ƯU ĐÃI
(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Nhà thầu là nhà thương mại		Nhà thầu là nhà sản xuất	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	
		Giá chào của hàng hóa (I)	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾ (II)	Giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa (G)		Nhà thầu là nhà thương mại	Nhà thầu là nhà sản xuất
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hóa thứ 1				G*	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó G = (I) – (II)	$D(\%)=G^*/G$
2	Hàng hóa thứ 2						
...	...						
n	Hàng hóa thứ n						

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Đầu tư mua 01 tàu lai dặt Azimuth đã qua sử dụng
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng
- Nguồn vốn: 55% vốn chủ sở hữu công ty và 45% vốn vay Ngân hàng thương mại.
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi quốc tế
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
- Tùy chọn mua thêm: Không có

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Mục 2.1 Yêu cầu kỹ thuật chung

- Tàu lai Azimuth (Hàng hóa) đang hoạt động đáp ứng đầy đủ Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - Quy chuẩn kỹ thuật của Hiệp hội Đăng kiểm Quốc tế (IACS).
- Hàng hóa cung cấp cho gói thầu phải đảm bảo hoạt động bình thường, có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp, gồm đầy đủ hồ sơ, tài liệu kỹ thuật được tổ chức Đăng kiểm kiểm duyệt.
- Các trang thiết bị, máy móc lắp đặt trên tàu phải trong tình trạng hoạt động tốt, đồng bộ, phải có tài liệu hướng dẫn liên quan được viết bằng ngôn ngữ Anh hoặc ngôn ngữ của đất nước đóng tàu (ngôn ngữ bản địa).
- Các trang thiết bị đã thay thế hoặc hoán cải phải được tổ chức Đăng kiểm thẩm định và phê duyệt.
- Hồ sơ tàu: Bản vẽ kỹ thuật được tổ chức Đăng kiểm thẩm định. Các giấy chứng nhận đăng kiểm đầy đủ và còn thời hạn tối thiểu 04 tháng tại thời điểm đóng thầu.
- Nhà thầu có giấy đăng ký chính thức còn thời hạn đối với tàu tham gia dự thầu.
- Tài liệu chứng minh tính sở hữu tàu của nhà thầu.

- Cung cấp các loại tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng và hồ sơ, bản vẽ tra cứu vật tư phụ tùng.

Mục 2.2 Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ như sau:

STT	Nội dung chi tiết	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo
I	Thông tin chung đầu tư mua sắm 01 tàu lai Azimuth đã qua sử dụng với các yêu cầu cơ bản như sau: ✓ Cấp tàu: Từ cấp tàu SB trở lên ✓ Tuổi tàu không quá 14 tuổi. ✓ Tàu thiết kế mục đích lai dặt hoặc kéo các công trình biển. ✓ Loại tàu: Tàu lai kiểu chân vịt Azimuth (Z-DRIVER) ✓ Vật liệu vỏ: Vỏ thép ✓ Tốc độ thiết kế ở 100% tải lớn hơn 10 hải lý/ giờ ✓ Trên tàu phải được trang bị 2 tổ máy phát điện, công suất mỗi máy phải cung cấp đủ năng lượng cho hoạt động an toàn của tàu. ✓ Tàu được thiết kế có đầy đủ khu vực sinh hoạt cho thuyền viên theo tiêu chuẩn định biên an toàn tối thiểu. ✓ Phao bè cứu sinh phải đủ cho toàn bộ số người trên tàu. ✓ Trang thiết bị nội thất đầy đủ đảm bảo phục vụ nhu cầu tối thiểu sinh hoạt của thuyền viên trên tàu. ✓ Hệ thống cứu hỏa được bố trí đầy đủ theo quy phạm đăng kiểm. ✓ Khả năng ổn định của tàu theo tiêu chuẩn cấp tàu: Tàu không được lệch tâm khi ở trạng thái nổi.	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt

	✓ Hệ thống lái chính và hệ thống lái dự phòng hoạt động bình thường. ✓ Trang thiết bị bố trí trên tàu phải thoả mãn các quy định của Đăng Kiểm và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia. ✓ Hồ sơ tàu, tài liệu thiết kế, hoặc tài liệu phục vụ việc hoán cải phải được tổ chức đăng kiểm thẩm định và chấp nhận. ✓ Tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn vận hành được viết bằng ngôn ngữ Anh hoặc ngôn ngữ bản địa.	
II	Thông số kích thước cơ bản vỏ tàu	
	✓ Chiều dài lớn nhất: Từ 24.0m đến 40.0 m ✓ Chiều rộng lớn nhất: Từ 8.0 m đến 13 m ✓ Chiều cao mạn tại sườn giữa: Nhỏ hơn 6.0m ✓ Chiều chìm trung bình đầy tải: Nhỏ hơn 5,0m ✓ Lượng chiếm nước đầy tải: Từ 100 tấn đến ≤400 tấn	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt
III	Tính chọn trang thiết bị chính	
	✓ Trạng thái thực tế kỹ thuật của vỏ tàu và trang thiết bị trên boong phải phù hợp với ghi nhận của tổ chức đăng kiểm. ✓ Tàu thiết kế mục đích lai dắt hoặc kéo các tàu biển (sử dụng mũi tàu đẩy/ mũi tàu có thiết kế kết cấu vững chắc) ✓ Tính ổn định cao/ khi tàu ở trạng thái nổi đảm bảo độ lệch tâm =0 ✓ Ca bin có tầm quan sát tốt. ✓ Phần boong mũi rộng và phẳng, không trơn trượt dễ dàng thao tác lên dây hoặc dễ tiếp cận các tàu nhỏ, xà lan chuyên dụng, giàn	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo hoặc cam kết bằng Tiếng anh hoặc tiếng Việt

	khoan... ✓ Cột ra đa và các kết cấu phía sau cabin phải được bố trí gọn gàng không che khuất tầm nhìn phía sau của người điều khiển. ✓ Liên kết máy chính với bộ máy kiểu liên kết cứng là phù hợp nhất. ✓ Buồng máy bố trí thông thoáng, bố trí đủ ánh sáng và có hệ thống thông gió cưỡng bức. ✓ Hệ thống tời: Tàu được trang bị hệ thống thủy lực (tời thu, thả neo, tời dây trước mũi). Hệ thống điều khiển tời trực tiếp hoặc gián tiếp.	
IV	Tính chọn công suất máy chính.	
	✓ Máy chính thuộc các hãng chế tạo như: Niigata, Yanmar, Cummins. ✓ Công suất mỗi máy chính từ 2000HP trở lên ✓ Máy chính được trang bị tua bin tăng áp ✓ Khởi động bằng khí nén, hoặc điện. ✓ Hệ truyền động động lực (máy chính, ly hợp, cụm chân vịt) được trang bị đồng bộ. ✓ Các gối đỡ trục dẫn động được bôi trơn bằng mỡ, hoặc được bôi trơn bằng dầu nhờn hệ thống máy chính, hoặc dầu nhờn từ hệ thống ly hợp ly hợp. ✓ Ly hợp thiết kế đồng bộ với máy chính: Ly hợp kiểu các đĩa ma sát ướt, hoặc ma sát khô. ✓ Hệ thống điều khiển hoạt động bình thường ✓ Hệ thống báo động bảo vệ hoạt động bình thường. ✓ Máy chính và các hệ thống phục vụ máy chính hoạt động bình thường.	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt

V	Tính chọn chong chóng (chân vịt)	
	✓ Hệ trục chân vịt của các hãng Niigata, Schottel. ✓ Hệ điều khiển là điện thủy lực ✓ Biên dạng và kích thước của chong chóng còn nguyên vẹn theo thiết kế không bị khiếm khuyết. ✓ Chong chóng chân vịt là loại chong chóng có bước cánh cố định. ✓ Kiểu lắp ghép chong chóng với trục là lắp ghép không then. ✓ Ống đạo lưu còn nguyên vẹn, (hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận khi sửa chữa khắc phục khiếm khuyết)	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt
VI	Hệ điều khiển: ✓ Điều khiển tại buồng lái: Có thể xoay theo hướng tùy ý từ vị trí tay cầm, có thể đảo ngược từ 0-180 độ, hoặc từ 0-360 độ. ✓ Có thể bật tắt bộ ly hợp bằng cách đánh giá vị trí bằng vị trí tay điều khiển tốc độ máy chính	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt
VII	Động cơ diesesl máy phát điện	
	✓ Động cơ máy phát điện thuộc các hãng chế tạo như: Yanmar, Cummin, Daewoo, Caterpillar, Volvo penta, Jonh deere, Doosan ✓ Công suất mỗi máy phát từ 100 kVA trở lên ✓ Máy phát điện 3Pha: 440/225VAC 380/225VAC, 225VAC. Công suất từ 100-200 Kva. Tần số 50/60Hz. ✓ Trên thân máy phải được thể hiện thông số kỹ thuật rõ ràng và đầy đủ. (Các nhãn mác trên thân động cơ diesesl còn nguyên vẹn) ✓ Hệ thống làm mát máy bằng nước tuần hoàn khép kín, bơm cung cấp nước được dẫn động trực tiếp từ động cơ diesesl.	Tài liệu kỹ thuật kèm theo bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt

	✓ Các thông số báo động , bảo vệ hoạt động bình thường	
VIII	Trang thiết bị phụ	
	Các bơm phục vụ được dẫn động bằng động cơ điện: ✓ Bơm vận chuyển nhiên liệu. Số lượng: 2 ✓ Bơm hút khô. Số lượng: 1 ✓ Bơm dùng chung. Số lượng:1 ✓ Bơm cứu hoả. Số lượng:1 ✓ Bơm nước ngọt phục vụ sinh hoạt. Số lượng:1 ✓ Bơm dầu nhớt LO dự phòng. Số lượng: 1 ✓ Bơm nước ngọt dự phòng. Số lượng:1 ✓ Bơm vận chuyển nước lãcan buồng máy. Số lượng :1 ✓ Hệ thống thông gió buồng máy, buồng chân vịt: Quạt gió được truyền động bằng mô tơ điện. Quạt gió có vị trí ngắt từ ngoài khu vực buồng máy. Số lượng:2 Hộp thông gió buồng máy được bố trí cánh chặn lửa phù hợp. ✓ Máy nén khí hoạt động bằng mô tơ điện lai. Máy nén được làm mát trực tiếp bằng gió, hoặc làm mát bằng nước. Số lượng: 2	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo hoặc cam kết bằng Tiếng anh hoặc tiếng Việt
IX	Hệ thống neo và tời dây	
	✓ Hệ thống tời dây và tời neo: Hệ thống tời	Tài liệu mô tả kỹ

	thủy lực. ✓ Hệ điều khiển: Điện -Thủy lực. ✓ Vị trí điều khiển: Điều khiển trực tiếp tại tời, và điều khiển gián tiếp tại cabin lái. ✓ Hệ thống phanh tời dây: kiểu cơ khí (phanh bằng lò so), hoặc kiểu bằng thủy lực (xi lanh thủy lực). ✓ Kết cấu cụm tời dây được thiết kế có lực kéo từ 40 tấn trở lên.	thuật kèm theo hoặc cam kết bằng Tiếng anh hoặc tiếng Việt
X	Trang thiết bị hàng hải vô tuyến điện	
	Trang thiết bị hàng hải thông tin liên lạc: ✓ Được trang bị đầy đủ theo danh mục quy định của cấp tàu đang duy trì. ✓ Các TTB đang hoạt động bình thường và còn thời hạn kiểm định.	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo hoặc cam kết bằng Tiếng anh hoặc tiếng Việt
XI	Hệ thống/trang thiết bị cứu sinh	
	✓ TTB được trang bị theo quy phạm đăng kiểm cấp tàu. ✓ Phao bè còn thời hạn đăng kiểm. Không bị hư hỏng. Thông tin trên phao bè phù hợp với hồ sơ tàu. ✓ Các áo phao cứu sinh được trang bị theo định biên trên tàu.	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo hoặc cam kết bằng Tiếng anh hoặc tiếng Việt
XII	Hệ thống/trang thiết bị cứu hỏa (trang bị theo cấp tàu)	
	✓ Sơ đồ chữa cháy được tổ chức đăng kiểm kiểm duyệt. ✓ TTB chữa cháy trên tàu được bố trí theo đúng sơ đồ chữa cháy. ✓ Các trang thiết bị (ống rồng, đầu phun trong tình trạng hoạt động bình thường). ✓ Bình cứu hỏa xách tay và bình cứu hỏa di động không bị hư hỏng và được bố trí đầy đủ theo quy phạm đăng kiểm	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo hoặc cam kết bằng Tiếng anh hoặc tiếng Việt

	✓ Hệ thống phát hiện cháy: Các đầu cảm biến nhiệt, cảm biến khói, nút báo động, trung tâm điều khiển được bố trí phù hợp theo quy phạm đăng kiểm cấp tàu duy trì. ✓ Bơm cứu hỏa: Được bố trí phù hợp, hoạt động bình thường. ✓ Hệ thống chữa cháy bằng nước (FIFI): ✓ Bơm FiFi (bơm chữa cháy ngoại biên) được lai bằng motor điện, hoặc lai bởi động cơ diesel. ✓ Kiểu bơm: Biểu ly tâm	
XIII	Bố trí kết cấu khu vực sinh hoạt làm việc	
	✓ Phòng thuyền viên: (theo định biên tối thiểu). Các phòng được trang bị đầy đủ: giường, tủ, bàn làm việc, ánh sáng và thông gió đầy đủ. Các phòng ngủ được cách ly hoàn toàn với khu vực sinh hoạt chung. Có ít nhất 1 W/C cho 1 khu vực thuyền viên sinh hoạt. ✓ Khu vực sinh hoạt chung: Khu vực câu lạc bộ được bố trí đầy đủ bàn ghế phục vụ công tác sinh hoạt tập thể và hội họp trao đổi công việc. Khu vực bếp phải được cách ly hoàn toàn với khu vực sinh hoạt chung và khu nghỉ ngơi của thuyền viên. Được trang bị thiết bị hệ thống cảm biến nhiệt phòng chống cháy. Các khoang, phòng sinh hoạt, câu lạc bộ kho tàng có bố trí các loại cửa phù hợp theo tiêu chuẩn cấp tàu.	Tài liệu mô tả kỹ thuật kèm theo bằng Tiếng anh hoặc tiếng Việt hoặc cam kết bằng Tiếng anh hoặc tiếng Việt

Mục 3. Yêu cầu về tài liệu mô tả kỹ thuật:

+ Nhà thầu cung cấp tài liệu mô tả kỹ thuật như: Catalogue, bản vẽ, bản

thiết kế các thông số, bản mô tả kỹ thuật, tính năng kỹ thuật theo yêu cầu tại Mục 2.2 Chương V, HSMT.

Mục 3.1. Yêu cầu về hướng dẫn kỹ thuật:

Nhà thầu có chương trình hướng dẫn kỹ thuật cho số cán bộ của Chủ đầu tư và dự kiến thời gian và kinh phí (nếu có) cho việc hướng dẫn kỹ thuật đó trên cơ sở hợp lý nhằm thực hiện tốt công tác lắp đặt, chạy thử, vận hành và bảo dưỡng thiết bị cũng như chuyển giao công nghệ của nhà thầu cho Chủ đầu tư.

Mục 4. Kiểm tra thử nghiệm hàng hóa:

- Trong trường hợp nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu tại của HSMT và xếp hạng thứ nhất. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra tình trạng hoạt động thực tế của các thiết bị, tính năng phương tiện, độ ổn định, công suất phương tiện phù hợp với HSDT trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm bố trí tàu để Chủ đầu tư trực tiếp kiểm tra, đánh giá. Chi phí kiểm tra do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm chi trả.

- Tại thời điểm bàn giao hàng hóa, bên mời thầu tiến hành kiểm tra và thử nghiệm toàn bộ tàu, thiết bị với đầy đủ các giấy chứng nhận theo yêu cầu và hợp lệ. Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu về kỹ thuật, bên mời thầu có quyền từ chối nhận hàng.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG: Không có

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

1. BẢN GHI NHỚ THỎA THUẬN

1. Sellers - Bên bán	2. Buyers - Bên mua
3. Vessel's name - Tên tàu	4. Flag/Registry – Quốc tịch/ Đăng ký (Điều 6 (a))
5. Class – Cấp tàu (Điều 9 (b))	6. Built (years and builder's name) – Năm đóng tàu (năm và đơn vị đóng tàu)
7. Gross weight tonnage – Trọng lượng đăng ký	8. Summer deadweight tonnage – Trọng tải của tàu
9. Place/date of superficial inspection – Địa điểm/ ngày kiểm tra tàu (Điều 8 (a); Điều 13)	10. Place/ Date of class records examination – Địa điểm/ngày kiểm tra hồ sơ cấp hạng
11. Purchase price – Giá mua tàu (Điều 4)	
12. Place of closing – Địa điểm kết thúc	
13. Delivery range – Phạm vi giao tàu (Điều 7 (a); Điều 9 (e) (f))	
14. Delivery period and Cancelling Date – Khoảng thời gian giao tàu và ngày Hủy (Điều 7 (a))	
15. Places – Địa điểm thực hiện các điều khoản thỏa thuận và hợp đồng (Điều 7 (c))	

2. ĐIỀU KHOẢN CHI TIẾT

1. Thông tin Bên mua	Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng - Địa chỉ: 1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. - Mail: dichvuhanghai@saigonnewport.com.vn - thanhvtk@saigonnewport.com.vn - SĐT
2. Thông tin Bên bán	Đơn vị trúng thầu: - Địa chỉ: - Mail: - SĐT:
3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá hợp đồng - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành (nếu có) theo quy định. - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày
4. Giá mua	Giá mua là giá trúng thầu (Hộp 11 của Bản ghi nhớ thỏa thuận)
5. Điều khoản thanh toán	(a) Bên mua sẽ chuyển khoản thanh toán (đặt cọc) mười phần trăm (10%) giá mua vào tài khoản ngân hàng của Bên bán (thông tin tài khoản ngân hàng như phía dưới) trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi hai bên ký kết hợp đồng. - Tên ngân hàng: - Chi nhánh: - Địa chỉ: - Mã quốc gia: - Số tài khoản: - Tên người thụ hưởng/Chủ tài khoản: (b) Bên bán sẽ cung cấp thư bảo đảm hoàn tiền do ngân hàng của Bên bán phát hành trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi nhận được khoản thanh toán mười phần trăm (10%) của Giá Mua. (c) Thư bảo đảm hoàn tiền ở khoản b điều này sẽ được Bên mua

	giao lại ngay lập tức cho Bên bán khi tàu được hoàn thành công tác bàn giao. (d) Bên mua sẽ chuyển khoản phần còn lại của Giá mua bằng hình thức chuyển tiền trực tiếp sang ngân hàng của Bên bán được đề cập tại khoản a điều này ngay sau khi “Thông báo sẵn sàng giao tàu” được Bên bán phát hành theo Điều 10 của Thỏa thuận này. Việc thanh toán phần còn lại để đổi lại biên bản nghiệm thu, bàn giao được ký bởi người đại diện của cả hai bên tại thời điểm giao tàu. (e) Bất kỳ khoản lãi phát sinh từ khoản trả trước mười phần trăm (10%) sẽ được ghi có cho Bên mua. (f) Các khoản phí ngân hàng xảy ra đối với các khoản tiền thanh toán sẽ ghi nhận vào tài khoản của người mua. (g) Trong mọi trường hợp, tàu không được giao trước khi Người bán nhận được toàn bộ phần thanh toán.
6. Hồ sơ	(a) Tại thời điểm bàn giao tàu, Bên Bán sẽ cung cấp cho Bên Mua các hồ sơ sau: (i) Hóa đơn bán hàng được công chứng hợp lệ, khẳng định cụ thể tàu được bàn giao không có các khoản nợ, các trở ngại, thế chấp và quyền lưu giữ hàng hải nào; (ii) Thư xác nhận từ Bên bán cam kết cung cấp chứng chỉ xóa Đăng ký được nêu tại Hộp 4 (Bản ghi nhớ thỏa thuận) ngay sau khi giao tàu; (iii) Vào thời điểm giao tàu, bên bán phải cung cấp cho bên mua tất cả các tài liệu hợp lý cần thiết để chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp và đăng ký dưới lá cờ mới của tàu; (iv) Các tài liệu khác theo thỏa thuận. (b) Khi giao tàu, Bên mua và Bên bán sẽ thực hiện ký biên bản Bàn giao và xác nhận, trong đó xác nhận ngày và thời gian bàn giao tàu. (c) Việc kết thúc hợp đồng diễn ra tại địa điểm nêu trong Hộp 12 (Bản ghi nhớ thỏa thuận).
7. Địa điểm và thời gian giao tàu	(a) Bên bán phải đảm bảo rằng Tàu đã sẵn sàng giao hàng trong phạm vi giao tàu nêu trong Hộp 13 (Bản ghi nhớ thỏa thuận); không trước và không muộn hơn ngày bàn giao tàu nêu trong Hộp 14 (Bản ghi nhớ thỏa thuận), các ngày sau đó xem là ngày Hủy. (b) Bên bán sẽ liên tục cập nhật cho Bên mua về hành trình của tàu,

	và thông báo cho Bên mua về ngày dự kiến và địa điểm sẵn sàng cho việc giao hàng tại các mốc thời gian ba mươi (30) ngày, mười lăm (15) ngày, bảy (07) ngày và ba (3) ngày trước ngày thông báo sẵn sàng bàn giao tàu. (c) Trong trường hợp tàu chưa sẵn sàng để giao hoặc trước Ngày Hủy, Bên Mua sẽ có quyền chọn hủy bỏ Hợp đồng này; việc hủy bỏ hợp đồng này sẽ thực hiện bằng văn bản trong vòng hai (02) ngày làm việc (không bao gồm thứ bảy, chủ nhật, hoặc ngày lễ tại các địa điểm thực hiện điều khoản nêu trong Hộp 15 (Bản ghi nhớ thỏa thuận) từ ngày Hủy. Tuy nhiên, nếu việc không bàn giao tàu là gây ra bởi bất kỳ sự kiện bất khả kháng mà Bên bán không thể kiểm soát, thì Ngày Hủy sẽ được gia hạn thêm tương ứng với thời gian bị mất do sự kiện bất khả kháng đó nhưng trong mọi trường hợp không được gia hạn thời gian hơn ba mươi (30) ngày. (d) Trong trường hợp Bên mua không chọn thực hiện quyền chọn là hủy Hợp đồng này theo các quy định tại khoản (c) điều này, Bên mua có quyền chỉ định một ngày mới cho việc giao bàn tàu, với điều kiện là thông báo bằng văn bản trong vòng hai (02) ngày làm việc trước Ngày Hủy, và ngày mới được chỉ định bởi Bên mua sẽ là Ngày Hủy mới như đã nêu trong Hộp 14 (Bản ghi nhớ thỏa thuận). Tuy nhiên nếu không có Ngày Hủy mới được chỉ định bởi Bên mua theo điều khoản này thì sẽ không có Ngày Hủy mới và Bên bán sẽ bàn giao tàu sớm nhất có thể. (e) Trong trường hợp Bên bán đã kiểm tra và thực hiện các thẩm định cần thiết cho tàu, nếu Bên bán dự đoán rằng tàu sẽ không sẵn sàng cho việc bàn giao tàu tại Ngày Hủy, (cho dù đó là Ngày Hủy đầu tiên hoặc bất kỳ Ngày Hủy đã điều chỉnh được quy định tại khoản (d) điều này, thì Bên bán có thể thông báo cho Bên mua bằng văn bản ghi rõ ngày họ dự đoán tàu sẽ sẵn sàng bàn giao và đề nghị rằng ngày đó là Ngày Hủy mới. Khi nhận được thông báo bằng văn bản, Bên mua sẽ có tùy chọn hủy Hợp đồng này, với điều kiện là lựa chọn này là được thực hiện bằng văn bản trong vòng hai (02) ngày làm việc từ khi nhận được thông báo trên từ Bên bán (không bao gồm thứ bảy, chủ nhật, hoặc ngày lễ tại các địa điểm thực hiện điều khoản). Nếu Bên mua không thực hiện quyền chọn hủy Hợp đồng này, ngày mà Bên bán đề nghị sẽ là Ngày hủy Mới như đã nêu trong Hộp 14 (Bản ghi nhớ thỏa thuận).
--	--

8. Điều kiện giao hàng	(a) Bên sẽ giao tàu cho Bên mua đúng với tình trạng tàu đã được kiểm tra bởi Bên mua tại địa điểm nêu trong Hộp 9 (Bản ghi nhớ thỏa thuận), các hao mòn ở mức bình quân chấp nhận được, ngoại trừ các thiệt hại ảnh hưởng đến hiện trạng của tàu so với tất cả các tàu cùng lớp. Có đầy đủ giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế hợp lệ theo yêu cầu và còn hạn tại thời điểm giao hàng. (b) Sau khi tàu được bàn giao và chấp nhận bởi Bên mua hàng theo Hợp đồng này, Bên bán sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào trong mô tả của Bên bán về tàu hoặc cho bất kỳ khuyết điểm trong tàu bất kể khuyết điểm đó rõ ràng hay tiềm ẩn tại thời điểm bàn giao tàu.
9. Kiểm tra dưới nước	a) Bên bán có thể giao tàu khi tàu đang ở dưới nước theo các quy định sau đây. (b) Trước khi bàn giao tàu, Bên mua sẽ có quyền thuê thợ lặn được cấp phép bởi Tổ chức đăng kiểm phân loại cấp tàu được đề cập tại Hộp 5 (Bản ghi nhớ thỏa thuận) thực hiện một số kiểm tra các bộ phận dưới nước bên dưới đường quy định trọng lượng nổi toàn phần mùa hè của tàu với sự có mặt của một người giám định thuộc tổ chức đăng kiểm được sắp xếp bởi Bên Bán. Việc kiểm tra này, nếu có, là theo sự sắp xếp của Bên mua. Các rủi ro và chi phí phát sinh liên quan không ảnh hưởng tới hoạt động của tàu và lịch trình bàn giao tàu. (c) Bên mua phải thông báo bằng văn bản về kế hoạch thực hiện kiểm tra dưới nước cho Bên bán trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được “Thông báo ngày dự kiến bàn giao tàu” bảy (07) ngày quy định trong khoản (b) Điều 7 Hợp đồng này. Nếu Bên mua không đưa ra thông báo bằng văn bản trong vòng hai (02) ngày nêu trên, Bên mua sẽ mất quyền được kiểm tra dưới nước. (d) Khi nhận được thông báo của Bên mua, Bên bán sẽ bố trí với "Tổ chức đăng kiểm" để thực hiện kiểm tra dưới nước. Chi phí kiểm tra dưới nước được chi trả bởi Bên mua trừ khi phát hiện lỗi phát sinh hoặc hư hỏng ảnh hưởng đến tình trạng bàn giao tàu được nêu tại Điều 8 Hợp đồng này, trong trường hợp đó Bên bán phải chịu chi phí kiểm tra này. (e) Nếu bất kỳ thiệt hại /lỗi nào được phát hiện trong quá trình kiểm tra dưới nước sẽ được xử lý như sau: (i) Nếu lỗi hoặc hư hỏng không yêu cầu phải sửa chữa trong lịch sửa chữa định kỳ tiếp theo yêu cầu của Tổ chức Đăng kiểm, thì Bên

	bán và Bên mua mỗi bên sẽ chọn và nhận 01 báo giá từ một nhà máy đóng tàu uy tín trong phạm vi giao hàng được nêu trong Hộp 13 (Bản ghi nhớ thỏa thuận) cho chi phí sửa chữa lỗi và hư hỏng được báo cáo. Báo giá là chi phí sửa chữa trực tiếp của thiệt hại (lỗi hoặc hư hỏng được báo cáo) và không bao gồm chi phí neo đậu và chi phí dịch vụ khác. Bên bán sau đó có tùy chọn để sửa chữa thiệt hại trước khi bàn giao tàu hoặc bàn giao tàu mà không thực hiện sửa chữa nhưng giảm giá mua tàu tương đương với ước tính chi phí sửa chữa. Chi phí sửa chữa ước tính được xác định là mức trung bình của hai báo giá thu được từ hai nhà máy đóng tàu. (ii) Trong trường hợp thiệt hại (lỗi hoặc hư hỏng được báo cáo) yêu cầu phải sửa chữa trong lịch sửa chữa định kỳ tiếp theo yêu cầu của Tổ chức Đăng kiểm thì Bên bán sẽ sửa chữa thiệt hại với chi phí của Bên bán để đạt được mức kiểm định của Tổ chức đăng kiểm. (f) Trong trường hợp tàu được đưa lên bờ để sửa chữa thiệt hại theo quy định tại khoản (e) điều này, Bên bán sẽ có quyền chỉ định nơi sửa chữa như là nơi giao hàng mới nếu nơi sửa chữa đó nằm trong vòng Phạm vi giao hàng được nêu trong Hộp 13 (Bản ghi nhớ thỏa thuận). Trong trường hợp đó Bên mua có quyền vệ sinh và sơn các bộ phận dưới nước của tàu với rủi ro và chi phí mà Bên mua chịu trách nhiệm nhưng không ảnh hưởng đến công việc sửa chữa của Bên bán và giám định của Tổ chức đăng kiểm; và không ảnh hưởng đến kế hoạch bàn giao tàu đã quy định. Tuy nhiên, nếu Bên mua chưa hoàn thành công việc trong khi Bên bán đã hoàn thành công việc sửa chữa, thì chi phí phát sinh thêm thời gian lên dock sẽ được tính cho Bên mua, trong trường hợp đó Bên bán có quyền đưa ra “Thông báo về sự sẵn sàng bàn giao tàu” trong khi sửa chữa hoặc sau khi hoàn thành công việc sửa chữa của Bên bán. (g) Nếu cần phải sửa chữa theo khoản (e) điều này, Ngày Hủy sẽ được gia hạn thêm thời gian tương ứng với thời gian bị mất để thực hiện việc sửa chữa đó với điều kiện là việc gia hạn sẽ không được vượt quá ba mươi ngày (30) ngày.
10. Thông báo về sự sẵn sàng bàn giao tàu	(a) Khi tàu đã sẵn sàng để bàn giao, Bên bán sẽ gửi cho Bên mua một “Thông báo về sự sẵn sàng bàn giao tàu”. (b) Bên mua sẽ tiếp nhận tàu trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được “Thông Báo về việc sẵn sàng bàn giao tàu”.
11. Tổn thất và bất khả	Trong trường hợp trước khi bàn giao tàu, tàu bị thiệt hại tổng thể kết cấu hoặc hư hỏng nặng (không phải là kết quả của hành động

kháng	thiếu kiến thức hoặc sơ sót của Bên bán gây ra), hoặc do tàu không thể bàn giao trước Ngày Hủy do chiến tranh, sự kiểm chế/ ràng buộc của Chính phủ, lý do chính trị hoặc bất kỳ lý do nào khác mà Bên bán không có quyền kiểm soát, thì Hợp đồng này sẽ vô hiệu và miễn trừ trách nhiệm cho các bên. Trong trường hợp đó Tiền đặt cọc cùng với lãi suất tích lũy nếu có sẽ ngay lập tức được hoàn trả đầy đủ cho Bên mua.
12. Chuyển nhượng quyền sở hữu và rủi ro	Quyền sở hữu và rủi ro đối với tàu, cùng tất cả mọi thứ thuộc về tàu, sẽ chuyển cho Bên bán sau khi thanh toán đầy đủ Giá mua tàu và hoàn thành thủ tục giao nhận tàu. Việc giao tàu sẽ được xem như được thực hiện tại địa điểm và thời gian được nêu rõ trong Biên bản Bàn giao và xác nhận.
13. Tài sản và nhiên liệu tồn kho trên tàu	Bên bán sẽ bàn giao cho Bên mua với tất cả mọi thứ thuộc về tàu tại thời điểm kiểm tra được nêu tại Hộp 9 (Bản ghi nhớ thỏa thuận) bao gồm tất cả các phụ tùng, kho dự trữ và thiết bị ở trên tàu hoặc trên bờ nhưng thuộc về tàu, sử dụng hoặc không sử dụng, ngoại trừ những thứ trong quá trình hoạt động bình thường được sử dụng trong giai đoạn giữa kiểm tra và bàn giao tàu. Bên bán phải cung cấp cho Bên mua với một danh mục vật tư liên quan tới tàu tại thời điểm giao hàng. Phí vận chuyển nếu có, sẽ là do Bên mua chịu trách nhiệm thanh toán. Bên mua sẽ tiếp quản và thanh toán cho Bên bán phần nhiên liệu còn lại và dầu bôi trơn chưa qua sử dụng ở mức giá mua cuối cùng (chứng minh bằng chứng từ hỗ trợ). Khoản chi phí này sẽ được thực hiện vào hoặc trước khi giao tàu theo đơn vị tiền tệ của Giá mua.
14. Ngoại trừ với việc bán tàu	Bên bán có quyền giữ lại tất cả các đồ sành sứ, dao kéo, vải lanh và các mặt hàng khác mang cờ hoặc tên của Bên bán trước khi bàn giao tàu, với điều kiện Bên bán thay thế các vật dụng đó bằng số lượng và chủng loại đồ vật tương tự nhưng không có nhãn hiệu. Sách, băng..., thuộc Bên bán ở trên tàu, sẽ được trả lại Bên bán trước khi bàn giao tàu. Các vật dụng cá nhân của thuyền trưởng và thuyền viên và thiết bị thuê, đều được loại trừ khỏi danh mục bán này và sẽ bị loại bỏ bởi Bên bán trước khi giao tàu.
15. Thay đổi	Bên mua hàng cam kết thay đổi tên tàu và xóa bỏ các logo của chủ

tên	tàu cũ khi giao tàu.
16. Trở ngại	Bên bán sẽ giao cho Bên mua tàu mà không không có bất kỳ khoản nợ, thế chấp, cầm cố và quyền lưu giữ hàng hải nào. Bên bán cam kết bồi thường cho Bên mua đối với tất cả các khiếu nại bất kể tính chất nào được đưa ra chống lại việc bàn giao tàu hoặc đối với tàu liên quan đến các khoản nợ phát sinh trước thời điểm giao tàu.
17. Khiếu nại và bồi thường	(a) Nếu Bên mua không chuyển khoản Tiền đặt cọc hoặc phần còn lại của Giá mua tàu theo phương thức và trong thời gian được quy định cụ thể, hoặc Bên mua không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này và vi phạm không được khắc phục trong vòng bảy (07) ngày sau khi nhận được của một thông báo nhắc nhở từ Bên bán gửi cho Bên mua, thì Bên bán có quyền chọn hủy bỏ Hợp Đồng này. Trong trường hợp này, khoản tiền đặt cọc nếu đã thanh toán cùng với lãi suất tích lũy trên đó, nếu có, sẽ bị tịch thu cho Bên bán. Khoản tiền đặt cọc chưa được thanh toán, Bên bán có quyền nhận số tiền tương đương với Khoản tiền đặt cọc từ Bên mua. Nếu tiền đặt cọc hoặc số tiền tương đương với Khoản tiền đặt cọc không chi trả hết các khoản lỗ của Bên bán, Bên bán có quyền đòi bồi thường thêm từ Bên mua để phục hồi những tổn thất. (b) Nếu Bên bán vi phạm trong việc giao tàu hoặc không bàn giao tàu cùng với mọi thứ thuộc về tàu theo phương thức và trong thời gian được quy định cụ thể, hoặc Bên bán không thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng bảy (07) ngày sau khi nhận được “Thông báo về Trì Hoãn” của Bên mua gửi cho Bên bán, thì Bên mua sẽ có quyền chọn hủy bỏ Hợp Đồng này. Trong trường hợp đó, Bên mua có quyền được yêu cầu Bên bán hoàn trả lại số tiền tương đương với Khoản tiền đặt cọc và Khoản tiền đặt cọc nếu đã thanh toán, cùng với lãi suất tích lũy trên đó, nếu có, sẽ được chuyển lại cho Bên mua. Nếu số tiền tương đương với Khoản tiền đặt cọc không đủ chi trả những thiệt hại của Bên mua thì Bên mua có quyền đòi bồi thường thêm từ Bên bán để thu hồi những tổn thất đó.
18. Trọng tài	Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được trình lên tổ chức trọng tài tại quốc gia của bên mua; và phán quyết của trọng tài sẽ là quyết định cuối cùng và có tính chất ràng buộc đối với các Bên liên quan trọng Hợp đồng này.

19. Trách nhiệm bên mua	Bên mua sẽ chịu trách nhiệm về việc thay đổi chủ sở hữu, thay đổi cờ, thay đổi cấp tàu và các công việc khác thuộc trách nhiệm của Bên mua bao gồm di chuyển đến điểm đến của Bên mua với bảo hiểm P & I, nếu có, và chi phí sẽ ghi nhận vào tài khoản của Bên mua và Bên bán sẽ hợp tác với đại lý của Bên mua trong các thủ tục/giấy tờ cần thiết từ nhà máy để phục vụ cho việc thông quan tàu. Trong tất cả các trường hợp khác, trừ khi có thỏa thuận khác, tàu sẽ được giao "nguyên trạng" cho Bên mua.
20. Chạy thử	(a) Trước khi giao tàu thực tế, Bên bán sẽ tiến hành chạy thử tàu trên biển bao gồm thử thả neo và thử tất cả các máy móc và thiết bị chính. (b) Sau khi hoàn tất chạy thử trên biển, Bên bán và Bên mua sẽ sắp xếp kiểm tra thợ lặn và đo ROB bunker và Bên bán sẽ gửi thông báo sẵn sàng theo Điều khoản 7 của Thỏa thuận này. (c) Bên bán sẽ hợp tác với thủy thủ đoàn của Bên mua để họ làm quen với Tàu chỉ trong thời gian ban ngày. (5 giờ x 2 lần)
21. Thuế phí	Mọi nghĩa vụ, thuế và phí áp đặt bởi chính phủ của Bên mua sẽ được Bên mua chịu trách nhiệm thanh toán, mọi khoản thuế cũng như các khoản phí và lệ phí áp đặt bởi chính phủ của Bên bán sẽ do Bên bán chịu trách nhiệm thanh toán.
22. Bảo mật	Việc mua bán, đàm phán và thỏa thuận cuối cùng bao gồm giá cả và các chi tiết khác phải được giữ kín và bảo mật bởi tất cả các bên liên quan và không được báo cáo.
23. Số lượng hợp đồng	Để làm bằng chứng, Bên bán và Bên mua ký và thực hiện sáu (06) bản sao của Hợp đồng này vào thời gian được ghi đầu tiên ở trên.

PHẦN 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 16

THƯ CHẤP THUẬN HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm ____ [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực

hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của _____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số _____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)
[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định*]

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy

quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.